

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 469/2020/DS-PT

Ngày: 23/12/2020

V/v tranh chấp: “Thực hiện nghĩa vụ
tài sản do người chết để lại”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Hiếu

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Đạt

Bà Trần Thị Thu Hằng

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Lê Lộc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 464/2020/TLPT-DS ngày 10 tháng 11 năm 2020 về việc tranh chấp “Thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 47/2020/DS-ST ngày 18/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 543/2020/QĐ-PT ngày 06 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Phan Thị O, sinh năm 1972;

Địa chỉ: ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Huỳnh Hoàng P, sinh năm 1985; (có mặt)

Địa chỉ: Đường H, Phường E, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Theo văn bản ủy quyền ngày 07/12/2020.

- Bị đơn:

1. Lê Văn X, sinh năm 1952; (vắng mặt)

2. Lê Hữu Đ, sinh năm 1985; (có mặt)

3. Lê Thị Hồng T, sinh năm 1989; (vắng mặt)

4. Lê Thị Ánh Đ, sinh năm 1995; (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn – Lê Văn X, Lê Hữu Đ, Lê Thị Hồng T, Lê Thị Anh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm;

Nguyên đơn – bà Phan Thị O, có người đại diện theo ủy quyền – chị Huỳnh Hoàng P trình bày: bà Phan Thị O (tên thường gọi là Hai H), từ ngày 20/02/2014 đến ngày 25/02/2017 bà Hồ Thị M (tên thường gọi là Hai L) có tham gia chơi hụi do bà O làm thảo hụi cụ thể:

Dây hụi khai ngày 20/02/2014, hụi 3.000.000 đồng trên một phần, có 14 phần, định kỳ bốn tháng khai hụi một lần (theo vụ lúa), bà M tham gia một phần. Ngày 30/8/2014, bà M hốt hụi và tiếp tục đóng hụi chết đến tháng 4/2018 bà M chết, lúc này dây hụi còn một phần nữa thì mãn hụi (kết thúc);

Dây hụi khai ngày 10/02/2015, hụi 3.000.000 đồng trên một phần, có 17 phần, định kỳ bốn tháng khai hụi một lần (theo vụ lúa), bà M tham gia một phần. Lần khai hụi thứ nhất, bà M hốt hụi và tiếp tục đóng hụi chết đến tháng 4/2018 bà M chết, lúc này dây hụi còn bảy phần nữa thì mãn hụi (kết thúc);

Dây hụi khai ngày 25/02/2017, hụi 3.000.000 đồng trên một phần, có 15 phần, định kỳ bốn tháng khai hụi một lần (theo vụ lúa), bà M tham gia một phần. Ngày 09/6/2017, bà M hốt hụi và tiếp tục đóng hụi chết đến tháng 4/2018 bà M chết, lúc này dây hụi còn mười một phần nữa thì mãn hụi (kết thúc);

Dây hụi khai ngày 25/02/2017, hụi 5.000.000 đồng trên một phần, có 15 phần, định kỳ bốn tháng khai hụi một lần (theo vụ lúa), bà M tham gia một phần. Lần khai hụi thứ nhất, bà M hốt hụi và tiếp tục đóng hụi chết đến tháng 4/2018 bà M chết, lúc này dây hụi còn mười một phần nữa thì mãn hụi (kết thúc).

Khi bà M chết bà O có trao đổi với các hụi viên cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà M gồm: chồng là ông Lê Văn X và các con ruột của bà M và ông X là anh Lê Hữu Đ, chị Lê Thị Hồng T, chị Lê Thị Anh Đ trả lại phần hụi chết với số tiền gốc mà bà M đã nhận (ví dụ hụi 3.000.000 đồng bà M bỏ 900.000 đồng hốt được 2.100.000 đồng trên một phần thì nay người thừa kế của bà M chỉ phải trả 2.100.000 đồng trên một phần chứ không phải trả hụi chết theo thỏa thuận là 3.000.000 đồng trên một phần). Nhưng đến khi bà O đi gom hụi người thừa kế của bà M không đóng hụi. Bà O đã choàng hụi cho bà M để đảm bảo giao hụi đúng và đầy đủ cho các hụi viên chưa hốt.

Ngoài ra, bà M có mượn của bà O 02 (hai) chỉ vàng 24K (ngày 28/3/2017), 02 (hai) chỉ vàng 24K (ngày 04/9/2017) và ngày 21/3/2018 mượn 5.000.000 đồng.

Ngày 11/11/2018, tại cuộc hòa giải ở ấp K, xã P, huyện T ông X và anh Đ đã thống nhất số tiền hụi, tiền vay và số vàng bà M còn nợ bà O và cam kết trả trong hạn 01 (một) năm nhưng không thực hiện.

Ngày 11/6/2020, tại cuộc hòa giải ở Ủy ban nhân dân xã P, huyện T ông X và anh Đ cũng thống nhất số tiền hui, tiền vay và số vàng mượn, xin trả 50.000.000 đồng số còn lại sẽ trả dần nhưng bà O không đồng ý.

Yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc ông Lê Văn X, anh Lê Hữu Đ, chị Lê Thị Hồng T và chị Lê Thị Ánh Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho bà O số tiền nợ hui là 78.400.000 đồng; 5.000.000 đồng tiền vay và 04 chỉ vàng 24K (tạm tính giá vàng tại thời điểm khởi kiện là 4.700.000 đồng), tổng cộng 102.200.000 đồng. Yêu cầu trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn – ông Lê Văn X trình bày: Vợ ông là bà Hồ Thị M (đã chết) có tham gia chơi hui do bà O làm chủ hui. Tháng 4/2018 bà O tranh chấp ra UBND xã P, bà O khai bà M còn nợ bà là 78.400.000 đồng, 04 chỉ vàng 24K và số tiền 5.000.000 đồng. Tổng cộng là 98.000.000 đồng, tại cuộc hòa giải ông và các con (Lê Hữu Đ, Lê Thị Hồng T, Lê Thị Ánh Đ) thống nhất xin trả $\frac{1}{2}$ số nợ là 50.000.000 đồng, lý do vợ ông còn nợ rất nhiều chủ hui khác (các chủ hui khác thống nhất đồng ý cho gia đình ông trả $\frac{1}{2}$ số nợ và xóa nợ còn lại). Ông đã bán 4.000m² đất được 400.000.000 đồng và đã trả xong cho các chủ nợ khác, chỉ có bà O là không đồng ý nhận $\frac{1}{2}$ số nợ nên đến nay gia đình ông chưa trả nợ cho bà O.

Nay bà O khởi kiện ông và các con thì ông cũng xin trả $\frac{1}{2}$ số nợ là 50.000.000 đồng và xóa nợ còn lại giữa hai bên, xin trả dần trong thời hạn một năm. (Nếu ý kiến của con ông là Lê Hữu Đ khác ý kiến với ông về thời gian trả 50.000.000 đồng thì ông thống nhất theo ý kiến của con ông (Định).

Bị đơn – anh Lê Hữu Đ trình bày: Anh thống nhất với ý kiến của ông Lê Văn X ngày 19/8/2020. Gia đình đồng ý trả cho bà O $\frac{1}{2}$ số nợ là 49.000.000 đồng và xóa nợ còn lại và trả số tiền nêu trên trong thời hạn 03 năm kể từ ngày 24/8/2020.

Bị đơn – chị Lê Thị Hồng T trình bày: Chị thống nhất theo ý kiến của cha chị là ông Lê Văn X và anh chị là anh Lê Hữu Đ, chị để cha chị và anh chị toàn quyền quyết định.

Bị đơn – chị Lê Thị Ánh Đ trình bày: Chị thống nhất theo ý kiến của cha chị là ông Lê Văn X và anh chị là anh Lê Hữu Đ, chị để cha chị và anh chị toàn quyền quyết định.

Bản án dân sự sơ thẩm số 47/2020/DS-ST ngày 18/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ Điều 463, Điều 471 của Bộ luật dân sự 2015; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị O đối với bị đơn ông Lê Văn X, anh Lê Hữu Đ, chị Lê Thị Hồng T và chị Lê Thị Ánh Đ.

Buộc ông Lê Văn X, anh Lê Hữu Đ, chị Lê Thị Hồng T và chị Lê Thị Ánh Đ phải liên đới trả bà O số tiền 102.200.000 đồng, thực hiện một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/9/2020, bị đơn ông Lê Văn X, anh Lê Hữu Đ, chị Lê Thị Hồng T và chị Lê Thị Ánh Đ kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử lại vụ kiện, yêu cầu Tòa cho giám định chữ ký của bà M.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn X, chị Lê Thị Hồng T và chị Lê Thị Ánh Đ, chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của anh Lê Hữu Đ, sửa một phần bản án sơ thẩm. Buộc bị đơn ông X, anh Đ, chị T và chị Đ phải trả cho bà Phan Thị O 98.000.000 đồng.

Qua nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh Lê Hữu Đ, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “Hợp đồng góp hui và hợp đồng vay tài sản” là chưa phù hợp. Cần xác định đây là tranh chấp “Thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại” theo quy định tại Điều 615 Bộ luật dân sự. Cấp phúc thẩm điều chỉnh lại quan hệ pháp luật của vụ án, việc này Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Ông Lê Văn X, chị Lê Thị Hồng T và chị Lê Thị Ánh Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do, xem như từ bỏ việc kháng cáo. Căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn X, chị Lê Thị Hồng T và chị Lê Thị Ánh Đ.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh Lê Hữu Đ, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Bà Hồ Thị M (đã chết vào tháng 4/2018) là vợ của ông Lê Văn X và là mẹ của anh Lê Hữu Đ, chị Lê Thị Hồng T và chị Lê Thị Ánh Đ có tham gia chơi hui do bà O làm chủ hui, các dây hui từ năm 2014 đến năm 2017. Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 19/8/2020 của Tòa án cấp sơ thẩm, bị đơn ông Lê Văn X khai: Tháng 4/2018 bà O tranh chấp ra UBND xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang. Bà

O khai bà M còn nợ bà O số tiền hụi là 78.400.000 đồng và có nợ 04 chỉ vàng 24K và số tiền 5.000.000 đồng tiền vay. Tổng cộng là 98.000.000 đồng. Tại cuộc hòa giải tại xã ông và các con (Lê Hữu Đ, Lê Thị Hồng T, Lê Thị Ánh Đ) thống nhất xin trả $\frac{1}{2}$ số nợ là 50.000.000 đồng, lý do vợ ông còn nợ nhiều chủ hụi khác và họ thống nhất đồng ý cho gia đình ông trả 50% số nợ và đồng ý xóa nợ còn lại. Ông đã bán 4.000m² đất được 400.000.000 đồng trả nợ xong, chỉ có bà O là không đồng ý nhận 50% số nợ nên đến nay gia đình ông chưa trả.

Nay bà O kiện ông và các con (Đ, T, Đ) ông cũng xin trả 50% số nợ là 50.000.000 đồng xem như xóa nợ giữa đôi bên. Nhưng xin trả dần trong thời hạn 01 năm (BL 36).

Tại biên bản hòa giải ở ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang ngày 11/11/2018 ông Lê Văn X thống nhất tiền bà M nợ hụi 78.400.000 đồng, 04 chỉ vàng 24k, tiền mượn 5.000.000 đồng (qui ra tiền 19.600.000 đồng), thống nhất số tiền nợ hụi, vàng, tiền mượn của bà O là 98.000.000 đồng, trả kể từ ngày 11/11/2018 đến ngày 11/11/2019 sẽ trả dứt điểm (nếu có sớm sẽ trả dưới sự chứng kiến của Công an ấp và Tổ hòa giải). Biên bản này có chữ ký của bên bị đơn là anh Lê Hữu Đ (BL 43e).

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm anh Đ xác nhận trước ngày 11/11/2018 anh cũng đã viết bản kê tiền nợ hụi, nợ vàng, tiền mượn của mẹ anh cho bà O (Thím 2 Hùng), tổng cộng thành tiền là 98.000.000 đồng (BL 43a)

[4] Xét sự thừa nhận của bị đơn ông Lê Văn X, anh Lê Hữu Đ về việc bà Hồ Thị M là vợ của ông X và mẹ của anh Đ còn nợ bà O số tiền hụi là 78.400.000 đồng và có nợ 04 chỉ vàng 24K và số tiền vay 5.000.000 đồng (qui ra tiền 19.600.000 đồng), tổng cộng 98.000.000 đồng. Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Như vậy có cơ sở xác định bà Hồ Thị M có nợ bà Phan Thị O số tiền hụi là 78.400.000 đồng, 04 chỉ vàng 24K và số tiền vay 5.000.000 đồng (qui ra tiền 19.600.000 đồng), tổng cộng 98.000.000 đồng. Do bà M đã chết nên ông Lê Văn X, anh Lê Hữu Đ, chị Lê Thị Hồng T và chị Lê Thị Ánh Đ là những người thừa kế phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ của bà M chết để lại.

Bà O khởi kiện yêu cầu ông X, anh Đ, chị T và chị Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho bà O số tiền nợ hụi là 78.400.000 đồng; 5.000.000 đồng tiền vay và 04 chỉ vàng 24K (tính giá vàng tại thời điểm khởi kiện là 4.700.000 đồng/chỉ), tổng cộng 102.200.000 đồng. Án sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà O. Buộc ông X, anh Đ, chị T và chị Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho bà O 102.000.000 đồng là chưa xem xét toàn diện chứng cứ của vụ án và bảo đảm quyền lợi của đương sự, được các đương sự thỏa thuận thống nhất tại biên bản hòa giải ở ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang ngày 11/11/2018. Theo thỏa thuận bên bị đơn là ông X và các con có nghĩa vụ trả tiền hụi, vàng và tiền mượn do bà M chết để lại còn nợ bà O số tiền là 98.000.000 đồng.

[5] Bị đơn anh Lê Hữu Đ kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử lại vụ kiện và yêu cầu cho giám định chữ ký của bà M trong giấy biên nhận hụi. Đối với yêu

cầu cho giám định chữ ký của bà M như nhận định ở phần [4] là không cần thiết. Do đó không chấp nhận yêu cầu này của anh Đ.

[6] Tại phiên tòa phúc thẩm anh Đ xin được trả cho bà O 98.000.000 đồng như tại biên bản hòa giải ở ấp K, xã P, huyện T ngày 11/11/2018. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng ý cho các bị đơn trả cho bà O số tiền 98.000.000 đồng. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của anh Đ, sửa một phần bản án sơ thẩm.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm là có cơ sở, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309, khoản 3 Điều 296, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 615, Điều 463, Điều 471, Điều 357 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn X, chị Lê Thị Hồng T và chị Lê Thị Ánh Đ.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo anh Lê Hữu Đ, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 47/2020/DS-ST ngày 18/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị O đối với bị đơn ông Lê Văn X, anh Lê Hữu Đ, chị Lê Thị Hồng T và chị Lê Thị Ánh Đ.

Buộc ông Lê Văn X, anh Lê Hữu Đ, chị Lê Thị Hồng T và chị Lê Thị Ánh Đ phải liên đới trả bà Phan Thị O số tiền 98.000.000 đồng. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Phan Thị O có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông X, anh Đ, chị T và chị Đ chậm thi hành thì còn phải trả lãi theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

4. Về án phí: Ông Lê Văn X, anh Lê Hữu Đ, chị Lê Thị Hồng T và chị Lê Thị Ánh Đ phải chịu 4.900.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông X, anh Đ, chị T và chị Đ đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 20618 ngày 28/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tiền Giang, khấu trừ còn phải nộp tiếp 4.600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại bà Phan Thị O 2.555.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 20543 ngày 03/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tiền Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện T, TG;
- CCTHADS huyện T, TG;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Huỳnh Hiếu